VIỆN KSND TỐI CAO **VIỆN KSND TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:452/VKSTB-VP V/v: Ủng hộ các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên khắc phục hậu quả thiên tai.	*Thái Bình, ngày 22 tháng 10 năm 2020*

Kính gửi: Các đồng chí Trưởng phòng thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

Thực hiện Lời kêu gọi "Toàn dân tham gia ủng hộ nhân dân các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên khắc phục hậu quả thiên tai" của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Bình, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình chỉ đạo sao gửi các đơn vị văn bản trên.

Đề nghị các đồng chí Trưởng phòng phổ biến và vận động cán bộ, công chức và người lao động trong đơn vị tích cực tham gia ủng hộ ít nhất 01 ngày lương/1 người. Trên cơ sở danh sách 01 ngày lương của cán bộ công chức và người lao động các đơn vị thu tiền ủng hộ nộp về Văn phòng tổng hợp (đ/c Trần Thị Thanh Giang) trước 15h30 ngày **23/10/2020** để chuyển sang Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Bình kịp thời gian.

(Kèm theo công văn là danh sách và bình quân 1 ngày lương của cán bộ)

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- Lãnh đạo VKSND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu VP, KT.

TL. VIỆN TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Anh Đức

UỶ BAN MTTQ VIỆT NAM **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày 22 tháng 10 năm 2020

LỜI KÊU GỌI

Toàn dân tham gia ủng hộ nhân dân các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên khắc phục hậu quả thiên tai

Kính gửi: **Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, doanh nhân, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh**

Trong những ngày vừa qua, do ảnh hưởng của các cơn bão số 5, 6, 7 và áp thấp nhiệt đới, trên địa bàn một số tỉnh miền Trung và Tây Nguyên đã liên tiếp xảy ra mưa lớn gây ngập lụt trên diện rộng và sạt lở ở nhiều nơi tại các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và thành phố Đà Nẵng gây thiệt hại lớn về người, tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh uỷ Thái Bình, phát huy truyền thống đoàn kết "Tương thân tương ái" của người Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thiết tha kêu gọi: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan Đảng, chính quyền, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội từ cấp xã đến cấp tỉnh; cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh ủng hộ tối thiểu 01 ngày lương; Doanh nhân, cán bộ quản lý và người lao động trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, tự nguyện ủng hộ tối thiểu 01 ngày lương (hoặc một ngày thu nhập); Mỗi hộ gia đình ở khu dân cư, nhà hảo tâm tự nguyện ủng hộ với khả năng cao nhất *(Không huy động đóng góp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội)*; Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng, ngoài sự đóng góp ủng hộ của cá nhân, trích một phần kinh phí tiết kiệm của đơn vị để ủng hộ hoặc trực tiếp hỗ trợ bằng hiện vật cũng như những việc làm thiết thực, hiệu quả.

Sự ủng hộ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, nhà hảo tâm sẽ là nguồn hỗ trợ thiết thực, góp phần động viên, chia sẻ những đau thương, mất mát đối với Nhân dân các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên vượt qua khó khăn, khắc phục hậu quả, nhanh chóng ổn định cuộc sống. Uỷ ban MTTQ tỉnh trân trọng cảm ơn và ghi nhận sự ủng hộ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và sẽ chuyển đến giúp đỡ nhân dân các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên khắc phục hậu quả trong thời gian nhanh nhất.

Các nguồn lực ủng hộ xin gửi về Quỹ Cứu Trợ tỉnh Thái Bình

- Tên tài khoản: Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Bình
- Số tài khoản: 3713.0.1014748.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình

Hoặc ủng hộ trực tiếp tại: Cơ quan Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Số 8 Phố Quang Trung, Thành phố Thái Bình

Điện thoại liên hệ: Đ/c Phạm Ngọc Đường, Trưởng ban phong trào: 0912.110.858

TM. UỶ BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Giang

Đơn vị: VKSND tỉnh Thái Bình

DÁNH SÁCH ỦNG HỘ CÁC TỈNH MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2020

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Hệ số lương		Trừ 9,5% BHXH, BHYT	Tiền lương sau trừ bảo hiểm	Bình quân 1 ngày lương (22 ngày/tháng)
		Hệ số	Thành tiền			
I	**Lãnh đạo viện**					
1	Lại Hợp Mạnh	7,64	11.383.600	1.081.442	10.302.158	468.000
2	Nguyễn Xuân Huy	6,78	10.102.200	959.709	9.142.491	416.000
3	Phạm Viết Vượng	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
4	Trần Thị Thu Trà	5,42	8.075.800	767.201	7.308.599	332.000
II	**Thanh tra - Khiếu tố**					
5	Vũ Tiến Quân	6,78	10.102.200	959.709	9.142.491	416.000
6	Phạm Thị Thu Hà	6,44	9.595.600	911.582	8.684.018	395.000
7	Lê Hồng Điệp	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
8	Nguyễn Thị Hạnh	4,74	7.062.600	670.947	6.391.653	291.000
9	Phạm Bình Minh	4,06	6.049.400	574.693	5.474.707	249.000
10	Nguyễn Thị Hằng	3,33	4.961.700	471.362	4.490.339	204.000
III	**Phòng 8**					
11	Phạm Xuân Tuân	6,78	10.102.200	959.709	9.142.491	416.000
12	Lê Thị Hiên	5,76	8.582.400	815.328	7.767.072	353.000
13	Nguyễn Thị Thu Hà	5,76	8.582.400	815.328	7.767.072	353.000
14	Vũ Tiến Sỹ	4,74	7.062.600	670.947	6.391.653	291.000
15	Nguyễn Thị Đào	3,66	5.453.400	518.073	4.935.327	224.000
16	Lê Thị Nhung	3,33	4.961.700	471.362	4.490.339	204.000
17	Bùi Quốc Trung	2,67	3.978.300	377.939	3.600.362	164.000
IV	**Phòng 15**					
18	Phạm Việt Hưng	4,40	6.556.000	622.820	5.933.180	270.000

STT	Họ và tên	Hệ số lương		Trừ 9,5% BHXH, BHYT	Tiền lương sau trừ bảo hiểm	Bình quân 1 ngày lương (22 ngày/tháng)
		Hệ số	Thành tiền			
19	Lê Thị Như Hoa	3,00	4.470.000	424.650	4.045.350	184.000
20	Bùi Thị Thu Hiền	3,66	5.453.400	518.073	4.935.327	224.000
V	**Văn phòng tổng hợp**					
21	Nguyễn Anh Đức	5,76	8.582.400	815.328	7.767.072	353.000
22	Nguyễn Thanh Dũng	4,65	6.928.500	658.208	6.270.293	285.000
23	Nguyễn Đình Phong	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
24	Nguyễn Thị Hưng	4,74	7.062.600	670.947	6.391.653	291.000
25	Ngô Thị Hương	3,99	5.945.100	564.785	5.380.316	245.000
26	Đặng Đức Hạnh	3,66	5.453.400	518.073	4.935.327	224.000
27	Trần Thị Thanh Giang	2,66	3.963.400	376.523	3.586.877	163.000
28	Nguyễn Thị Khánh Huyền	2,66	3.963.400	376.523	3.586.877	163.000
29	Nguyễn Thị Tố Uyên	3,33	4.961.700	471.362	4.490.339	204.000
30	Trần Mạnh Hùng	4,20	6.258.000	500.640	5.757.360	262.000
31	Phạm Thị Thu Hoài	3,00	4.470.000	424.650	4.045.350	184.000
32	Lê Thị Hồng Quyên	2,59	3.859.100	366.615	3.492.486	159.000
33	Đoàn Thị Bích Hồng	3,00	4.470.000	424.650	4.045.350	184.000
34	Phạm Thị Thảo	2,67	3.978.300	377.939	3.600.362	164.000
35	Nguyễn Quốc Phòng	3,85	5.736.500	602.333	5.134.168	233.000
36	Nguyễn Văn Ngọc	3,31	4.931.900	517.850	4.414.051	201.000
37	Vũ Thị Lan Anh	2,44	3.635.600	381.738	3.253.862	148.000
38	Phạm Hữu Phương	2,04	3.039.600	319.158	2.720.442	124.000
39	Lê Văn Hội	2,01	2.994.900	314.465	2.680.436	122.000
40	Bùi Phương Thuý	1,54	2.294.600	240.933	2.053.667	93.000
41	Lưu Thị Thủy	1,54	2.294.600	240.933	2.053.667	93.000
42	Vũ Thị Lan	1,54	2.294.600	240.933	2.053.667	93.000

STT	Họ và tên	Hệ số lương		Trừ 9,5% BHXH, BHYT	Tiền lương sau trừ bảo hiểm	Bình quân 1 ngày lương (22 ngày/tháng)
		Hệ số	Thành tiền			
43	Bùi Trường Sơn	2,23	3.322.700	348.884	2.973.817	135.000
VI	**Phòng 2**					
44	Nguyễn Nguyên Hưng	5,76	8.582.400	815.328	7.767.072	353.000
45	Nguyễn Văn Trình	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
46	Lê Bình Khánh	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
47	Phạm Thanh Phong	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
48	Nguyễn Thị Lan	4,74	7.062.600	670.947	6.391.653	291.000
49	Vũ Thị Lan Anh	4,40	6.556.000	622.820	5.933.180	270.000
50	Trần Văn Tú	3,00	4.470.000	424.650	4.045.350	184.000
51	Vũ Văn Nam	3,00	4.470.000	424.650	4.045.350	184.000
VII	**Phòng 9**					
52	Đỗ Hải Bằng	5,76	8.582.400	815.328	7.767.072	353.000
53	Nguyễn Thị Minh Hồng	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
54	Đỗ Thị Thái	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
55	Lương Thị Quỳnh	3,00	4.470.000	424.650	4.045.350	184.000
56	Nhâm Thị Thanh Huyền	4,40	6.556.000	622.820	5.933.180	270.000
57	Lê Thị Huệ	3,33	4.961.700	471.362	4.490.339	204.000
VIII	**Phòng 1**					
58	Vũ Kỳ Ánh	5,42	8.075.800	767.201	7.308.599	332.000
59	Nguyễn Trọng Thành Đạt	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
60	Vũ Đại Dương	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
61	Hoàng Thị Thanh Bình	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
62	Bùi Thị Thảo	4,74	7.062.600	670.947	6.391.653	291.000
63	Trần Thị Phú Nhuận	3,33	4.961.700	471.362	4.490.339	204.000
64	Vũ Thuần Long	4,40	6.556.000	622.820	5.933.180	270.000

STT	Họ và tên	Hệ số lương		Trừ 9,5% BHXH, BHYT	Tiền lương sau trừ bảo hiểm	Bình quân 1 ngày lương (22 ngày/tháng)
		Hệ số	Thành tiền			
65	Bùi Lan Anh	3,00	4.470.000	424.650	4.045.350	184.000
66	Doãn Thị Thu	3,00	4.470.000	424.650	4.045.350	184.000
IX	**Phòng 7**					
67	Nguyễn Thị Vân Anh	5,08	7.569.200	719.074	6.850.126	311.000
68	Đỗ Xuân Trường	5,76	8.582.400	815.328	7.767.072	353.000
69	Bùi Thị Thuý Hằng	4,74	7.062.600	670.947	6.391.653	291.000
70	Nguyễn Thị Chung	3,66	5.453.400	518.073	4.935.327	224.000
	Tổng cộng					**17.935.000**